

THÔNG TƯ

Quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Nhà đầu tư;

b) Công ty chứng khoán, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

c) Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Sở giao dịch chứng khoán);

d) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

đ) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Biên độ dao động giá* là giới hạn dao động giá chứng khoán quy định trong ngày giao dịch được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) so với giá tham chiếu.

2. *Ngắt mạch thị trường* (Circuit breaker) là cơ chế tạm dừng giao dịch tự động trong phiên giao dịch khi giá chứng khoán hoặc chỉ số chứng khoán biến động chạm các ngưỡng xác định trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

3. *Giá tham chiếu* là mức giá do Sở giao dịch chứng khoán xác định và được dùng làm cơ sở để xác định giá cao nhất (giá trần), giá thấp nhất (giá sàn) trong ngày giao dịch.

4. *Phương thức khớp lệnh tập trung* là phương thức giao dịch được thực hiện trên hệ thống giao dịch chứng khoán trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán. Phương thức khớp lệnh tập trung bao gồm khớp lệnh định kỳ và khớp lệnh liên tục.

5. *Khớp lệnh định kỳ* là phương thức giao dịch được thực hiện trên hệ thống giao dịch chứng khoán trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán tại một thời điểm xác định.

6. *Khớp lệnh liên tục* là phương thức giao dịch được thực hiện trên hệ thống giao dịch chứng khoán trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch chứng khoán.

7. *Phương thức giao dịch thoả thuận* là phương thức giao dịch trong đó các bên tham gia giao dịch thông qua thành viên giao dịch tự thoả thuận về các điều kiện giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán; hoặc các bên tham gia giao dịch thoả thuận, thực hiện giao dịch, sau đó thông qua thành viên giao dịch ghi nhận kết quả giao dịch vào hệ thống giao dịch chứng khoán.

8. *Giao dịch trong ngày* là giao dịch mua và bán cùng một mã chứng khoán nhà đầu tư chưa sở hữu với cùng một khối lượng giao dịch, thực hiện trên cùng một tài khoản và trong cùng một ngày giao dịch.

9. *Giao dịch mua bắt buộc* (buy in) là giao dịch mua chứng khoán để bảo đảm có đủ số lượng chứng khoán thanh toán cho các giao dịch thiếu chứng khoán theo quy định pháp luật.

10. *Giao dịch ký quỹ tại công ty chứng khoán* (sau đây gọi là giao dịch ký quỹ) là giao dịch mua chứng khoán có sử dụng tiền vay của công ty chứng khoán, trong đó chứng khoán có được từ giao dịch này và các chứng khoán khác được giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay trên.

11. *Giao dịch bán khống có tài sản bảo đảm* (sau đây gọi là giao dịch bán khống có bảo đảm) là giao dịch bán chứng khoán đã được vay trên hệ thống vay và cho vay chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Người bán sau đó có nghĩa vụ mua lại số chứng khoán đó để hoàn trả khoản đã vay.

12. *Chứng khoán chờ về* là chứng khoán mà nhà đầu tư đã mua trên hệ thống giao dịch chứng khoán tại các ngày giao dịch trước đó và đang trong quá trình hoàn tất chuyển quyền sở hữu.

13. *Giao dịch chứng khoán lẻ* là giao dịch có số lượng chứng khoán nhỏ hơn một đơn vị giao dịch.

Điều 3. Tổ chức giao dịch chứng khoán

1. Sở giao dịch chứng khoán tổ chức giao dịch chứng khoán theo phương thức khớp lệnh tập trung và phương thức giao dịch thỏa thuận theo nguyên tắc sau:

a) Phương thức khớp lệnh tập trung trên hệ thống giao dịch chứng khoán phải bảo đảm nguyên tắc ưu tiên về giá và thời gian;

b) Phương thức giao dịch thỏa thuận trên hệ thống giao dịch chứng khoán được thực hiện theo nguyên tắc các bên tham gia giao dịch tự thỏa thuận, thống nhất các nội dung giao dịch.

2. Chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này được giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán không bao gồm các trường hợp chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán. Sở giao dịch chứng khoán được tổ chức các phiên giao dịch mua bắt buộc (buy in) thông qua hệ thống giao dịch chứng khoán.

3. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành quy chế giao dịch chứng khoán bao gồm các nội dung cơ bản sau: phương thức giao dịch; thời gian giao dịch; cách xác định giá tham chiếu; biên độ dao động giá chứng khoán; cơ chế ngắt mạch thị trường (nếu có); các loại lệnh giao dịch; việc sửa lệnh, hủy lệnh giao dịch; việc xác lập giao dịch và loại bỏ giao dịch chứng khoán; việc tạm ngừng giao dịch, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ giao dịch của một mã chứng khoán; việc công bố thông tin về kết quả giao dịch và các nội dung khác có liên quan.

Điều 4. Biên độ dao động giá

1. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam quyết định biên độ dao động giá sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Trong trường hợp cần thiết để ổn định thị trường, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định điều chỉnh biên độ dao động giá và công bố thông tin trên công thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 5. Ngắt mạch thị trường

1. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam quyết định cơ chế ngắt mạch thị trường sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Căn cứ điều kiện thực tiễn của thị trường, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định áp dụng cơ chế ngắt mạch thị trường hoặc cơ chế ngắt mạch thị trường kết hợp với biên độ dao động giá.

Điều 6. Tài khoản giao dịch chứng khoán

1. Nhà đầu tư phải mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán là thành viên giao dịch để thực hiện giao dịch chứng khoán theo quy định tại Thông tư này; chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin nhận biết khách hàng khi mở tài khoản giao dịch chứng khoán và tuân thủ các quy định sau:

a) Trong thời gian chưa triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng khoán, thanh toán giao dịch chứng khoán thông qua tài khoản giao dịch chứng khoán và tài khoản lưu ký chứng khoán mà không phải mở tài khoản ký quỹ bù trừ.

b) Sau khi hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm được triển khai thực hiện, nhà đầu tư phải có tài khoản ký quỹ bù trừ tại thành viên bù trừ trước khi thực hiện giao dịch chứng khoán. Trường hợp nhà đầu tư mở tài khoản ký quỹ bù trừ tại thành viên bù trừ là ngân hàng lưu ký thì nhà đầu tư chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại thành viên giao dịch là thành viên bù trừ hoặc tại thành viên giao dịch không bù trừ có hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán với thành viên bù trừ chung là ngân hàng lưu ký nơi nhà đầu tư mở tài khoản ký quỹ bù trừ.

2. Nhà đầu tư được mở nhiều tài khoản giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc tại mỗi công ty chứng khoán nhà đầu tư chỉ được mở 01 tài khoản giao dịch chứng khoán, ngoại trừ các trường hợp quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7, 8 Điều này, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Thông tư này.

3. Ứng với mỗi tài khoản giao dịch chứng khoán, nhà đầu tư chỉ được mở 01 tài khoản ký quỹ bù trừ tại thành viên bù trừ.

4. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được mở nhiều tài khoản giao dịch chứng khoán tại mỗi công ty chứng khoán theo nguyên tắc:

a) 01 tài khoản giao dịch chứng khoán để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán của chính mình;

b) 02 tài khoản giao dịch chứng khoán để quản lý danh mục đầu tư cho nhà đầu tư ủy thác, trong đó 01 tài khoản để giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư ủy thác trong nước, 01 tài khoản để giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư ủy thác nước ngoài.

c) Mỗi quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ quản lý được mở 01 tài khoản giao dịch chứng khoán đứng tên của quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán tại mỗi công ty chứng khoán.

5. Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam được mở 02 tài khoản giao dịch chứng khoán tại mỗi công ty chứng khoán, trong đó 01 tài khoản giao dịch chứng khoán để thực hiện giao dịch cho chính mình và 01 tài khoản giao dịch chứng khoán để thực hiện giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài ủy thác.

6. Công ty chứng khoán được mở tài khoản giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc sau:

a) Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam chỉ được mở 01 tài khoản giao dịch chứng khoán tự doanh tại chính công ty, không được mở bất cứ tài khoản giao dịch chứng khoán tại các công ty chứng khoán khác, ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này.

b) Trường hợp công ty chứng khoán đã hủy bỏ tư cách thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty chứng khoán được mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại 01 công ty chứng khoán khác là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam để xử lý số chứng khoán còn lại trên tài khoản tự doanh.

c) Công ty chứng khoán được mở 01 tài khoản giao dịch tạo lập thị trường đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch và 01 tài khoản phòng ngừa rủi ro chứng quyền có bảo đảm tại chính công ty để thực hiện giao dịch cho các nghiệp vụ này.

d) Công ty chứng khoán không phải là thành viên lập quỹ hoán đổi danh mục được mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại thành viên lập quỹ hoán đổi danh mục. Tài khoản này được sử dụng để thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục trên thị trường sơ cấp, giao dịch bán trên thị trường thứ cấp đối với chứng khoán cơ cấu và chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục có được từ giao dịch hoán đổi, giao dịch mua chứng khoán cơ cấu và chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục trên thị trường thứ cấp để thực hiện giao dịch hoán đổi, không dùng để thực hiện các giao dịch chứng khoán khác.

đ) Các tài khoản giao dịch chứng khoán khác theo quy định pháp luật liên quan.

7. Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được mở 02 tài khoản giao dịch chứng khoán tại mỗi công ty chứng khoán như sau:

a) 01 tài khoản giao dịch chứng khoán để thực hiện hoạt động tự doanh.

b) 01 tài khoản giao dịch môi giới để thực hiện hoạt động môi giới cho các nhà đầu tư nước ngoài khác.

8. Doanh nghiệp bảo hiểm được mở 02 tài khoản giao dịch chứng khoán tại mỗi công ty chứng khoán như sau:

a) 01 tài khoản giao dịch chứng khoán để giao dịch từ nguồn vốn chủ sở hữu. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ, giao dịch chứng khoán trên tài khoản này chịu sự điều chỉnh bởi quy định pháp luật về sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán.

b) 01 tài khoản giao dịch chứng khoán để giao dịch từ nguồn thu phí bảo hiểm trong nước của các quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm theo quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm. Giao dịch chứng khoán trên tài khoản này không chịu sự điều chỉnh bởi quy định pháp luật về sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán.

9. Công ty chứng khoán không được sử dụng lại các mã tài khoản giao dịch chứng khoán đã đóng để mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho khách hàng mới.

Điều 7. Giao dịch chứng khoán

1. Trong thời gian chưa triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, giao dịch mua chứng khoán được thực hiện như sau:

a) Nhà đầu tư chỉ được đặt lệnh mua chứng khoán khi có đủ tiền trên tài khoản giao dịch chứng khoán, ngoại trừ giao dịch ký quỹ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này. Trường hợp nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại ngân hàng lưu ký và mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán, nhà đầu tư được đặt lệnh mua chứng khoán và công ty chứng khoán được thực hiện lệnh mua chứng khoán khi có bảo lãnh thanh toán hoặc xác nhận của ngân hàng lưu ký về việc ngân hàng lưu ký chấp nhận yêu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.

b) Công ty chứng khoán chịu trách nhiệm theo dõi số dư chứng khoán, số dư tiền (ngoại trừ trường hợp nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký), kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp các lệnh giao dịch của nhà đầu tư.

2. Sau khi hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm được triển khai, giao dịch mua chứng khoán được thực hiện như sau:

a) Nhà đầu tư đặt lệnh mua chứng khoán phải có đủ tài sản ký quỹ bù trừ tại thành viên bù trừ theo quy định pháp luật về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

b) Công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chỉ được nhập lệnh vào hệ thống giao dịch chứng khoán khi nhà đầu tư đã đáp ứng yêu cầu về ký quỹ bù trừ theo quy định và yêu cầu của thành viên bù trừ. Trường hợp nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch, tài khoản ký quỹ bù trừ tại công ty chứng khoán và mở tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký, công ty chứng khoán nhập lệnh vào hệ thống giao dịch chứng khoán khi có bảo lãnh hoặc xác nhận của ngân hàng lưu ký về việc đáp ứng yêu cầu ký quỹ bù trừ và thanh toán của nhà đầu tư trên cơ sở thoả thuận giữa công ty chứng khoán và ngân hàng lưu ký.

c) Việc theo dõi, xác nhận số dư chứng khoán, số dư tiền trước khi giao dịch chứng khoán thực hiện theo quy định pháp luật bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

3. Nhà đầu tư chỉ được đặt lệnh bán đối với chứng khoán được phép giao dịch đã có sẵn trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư tại ngày giao dịch, ngoại trừ các trường hợp: thành viên lập quỹ hoán đổi danh mục được bán chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục, bán chứng khoán cơ cấu khi bảo đảm có đủ chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục, chứng khoán cơ cấu để chuyển giao trước thời hạn thanh toán theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; giao dịch trong ngày theo quy định tại Điều 10 Thông tư này; bán chứng khoán chờ về.

Tùy vào tình hình thị trường, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước triển khai hoạt động bán chứng khoán chờ về.

4. Nhà đầu tư không được đặt các lệnh giao dịch cùng mua, cùng bán đồng thời cùng một mã chứng khoán trong cùng một đợt khớp lệnh định kỳ, trừ các lệnh đã được nhập vào hệ thống giao dịch chứng khoán tại đợt giao dịch trước đó, chưa được khớp nhưng vẫn còn hiệu lực.

5. Công ty chứng khoán có trách nhiệm kiểm soát việc đặt lệnh cùng mua, cùng bán trong cùng một đợt giao dịch khớp lệnh định kỳ của nhà đầu tư trên tài khoản giao dịch mở tại công ty mình.

6. Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được phép sử dụng tài khoản giao dịch môi giới quy định tại điểm b khoản 7 Điều 6 Thông tư này để vừa đặt lệnh mua và lệnh bán cùng một mã chứng khoán trong từng đợt khớp lệnh (định kỳ hoặc liên tục) hoặc giao dịch thỏa thuận, nhưng phải đảm

bảo nguyên tắc lệnh mua và lệnh bán chứng khoán không phải của cùng một nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 8. Công ty đại chúng giao dịch cổ phiếu của chính mình

1. Công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình trên hệ thống giao dịch chứng khoán phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Công ty đại chúng phải thực hiện giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình theo đúng nội dung đã công bố thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Chứng khoán.

b) Nguyên tắc xác định giá đặt mua lại cổ phiếu của chính mình của công ty đại chúng theo phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận được quy định như sau:

- Giá đặt mua \leq Giá tham chiếu + (Giá tham chiếu x 50% Biên độ dao động giá cổ phiếu).

- Khối lượng đặt mua: Trong mỗi ngày giao dịch, tổng khối lượng đặt mua tối thiểu là 3% và tối đa là 10% khối lượng giao dịch đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (khối lượng đặt mua không bao gồm khối lượng hủy lệnh và quy định này được miễn trừ khi khối lượng mua còn lại ít hơn 3%).

Quy định này áp dụng cho tới khi công ty đại chúng hoàn tất giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình với khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình được bán ra cổ phiếu sau khi mua lại theo quy định tại khoản 7 Điều 36 Luật Chứng khoán. Việc bán ra cổ phiếu thực hiện trên hệ thống giao dịch chứng khoán theo quy chế giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam hoặc ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

3. Ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình trước ngày 01/01/2021 bán ra cổ phiếu đã mua lại theo phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận như sau:

- Giá đặt bán \geq Giá tham chiếu - (Giá tham chiếu x 50% Biên độ dao động giá cổ phiếu).

- Khối lượng đặt bán: trong mỗi ngày giao dịch, tổng khối lượng đặt bán tối thiểu là 3% và tối đa là 10% khối lượng giao dịch đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (khối lượng đặt bán không bao gồm khối lượng hủy lệnh và quy định này được miễn trừ khi khối lượng bán còn lại ít hơn 3%).

Điều 9. Giao dịch ký quỹ

1. Nhà đầu tư trước khi thực hiện giao dịch ký quỹ phải ký hợp đồng giao dịch ký quỹ với công ty chứng khoán được phép cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán theo quy định pháp luật. Hợp đồng giao dịch ký quỹ đồng thời là hợp đồng cho các khoản vay trên tài khoản giao dịch ký quỹ. Hợp đồng giao dịch ký quỹ tối thiểu phải bao gồm nội dung về tài sản bảo đảm cho giao dịch ký quỹ, thời hạn bổ sung ký quỹ, xử lý tài sản bảo đảm cho giao dịch ký quỹ khi nhà đầu tư không bổ sung ký quỹ; phương thức giải quyết khi có tranh chấp phát sinh; nêu rõ các rủi ro, thiệt hại có thể phát sinh và chi phí khách hàng phải thanh toán.

2. Nhà đầu tư nước ngoài không được thực hiện giao dịch ký quỹ.

3. Tại mỗi công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán, nhà đầu tư chỉ được mở 01 tài khoản giao dịch ký quỹ. Tài khoản giao dịch ký quỹ là tài khoản riêng biệt hoặc được quản lý riêng biệt hoặc được hạch toán dưới hình thức tiểu khoản của tài khoản giao dịch chứng khoán hiện có của nhà đầu tư. Công ty chứng khoán phải hạch toán tách biệt tài khoản giao dịch ký quỹ với tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường của từng nhà đầu tư, tách biệt tài khoản giao dịch ký quỹ và tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường giữa các nhà đầu tư.

4. Chứng khoán được giao dịch ký quỹ là cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán và đáp ứng các tiêu chí cơ bản sau: thời gian niêm yết, đăng ký giao dịch; quy mô vốn và kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành; tình thanh khoản và biến động giá (nếu có); minh bạch thông tin và các tiêu chí khác theo quy chế của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Sở giao dịch chứng khoán công bố danh sách chứng khoán được giao dịch ký quỹ hoặc chứng khoán không được giao dịch ký quỹ trên cơ sở tiêu chí do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định.

5. Trên cơ sở danh sách chứng khoán được giao dịch ký quỹ hoặc chứng khoán không được giao dịch ký quỹ do Sở giao dịch chứng khoán công bố, công ty chứng khoán lựa chọn danh sách chứng khoán được thực hiện giao dịch ký quỹ tại công ty và thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật.

6. Nhà đầu tư có nghĩa vụ đảm bảo tỷ lệ ký quỹ ban đầu, tỷ lệ ký quỹ duy trì theo hợp đồng đã ký với công ty chứng khoán. Khi tỷ lệ ký quỹ trên tài khoản giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì, công ty chứng khoán phát hành lệnh gọi ký quỹ bổ sung. Chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ không được tính vào tài sản bảo đảm khi xác định tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì cho giao dịch ký quỹ. Trường hợp nhà đầu tư không thực hiện ký quỹ bổ sung, công ty

chứng khoán có quyền bán chứng khoán là tài sản bảo đảm theo điều khoản tại hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ. Trước khi thực hiện bán chứng khoán là tài sản bảo đảm, công ty chứng khoán thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật và thông báo kết quả giao dịch bán chứng khoán là tài sản bảo đảm cho nhà đầu tư biết để thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin về giao dịch theo quy định pháp luật (nếu có).

7. Công ty chứng khoán không còn đáp ứng điều kiện được cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán phải ngừng ngay việc ký mới, gia hạn hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ, ngừng cho vay vốn để thực hiện giao dịch ký quỹ và báo cáo bằng văn bản cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong vòng 48 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện trên.

8. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành quy chế hướng dẫn hoạt động giao dịch ký quỹ tại công ty chứng khoán.

9. Trong trường hợp cần thiết để ổn định thị trường, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền yêu cầu tạm ngừng giao dịch ký quỹ tại công ty chứng khoán.

Điều 10. Giao dịch trong ngày

1. Nhà đầu tư được thực hiện các giao dịch trong ngày sau khi đã ký hợp đồng giao dịch trong ngày với công ty chứng khoán được cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán. Hợp đồng giao dịch trong ngày phải có điều khoản cho phép công ty chứng khoán thực hiện các giao dịch vay, giao dịch mua bắt buộc để hỗ trợ thanh toán trong trường hợp phát sinh thiếu hụt chứng khoán để chuyển giao theo quy định pháp luật bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán. Hợp đồng giao dịch trong ngày phải nêu rõ các rủi ro phát sinh, thiệt hại và chi phí phát sinh mà nhà đầu tư phải thanh toán.

2. Hoạt động giao dịch trong ngày phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Tại mỗi công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán, nhà đầu tư chỉ được mở 01 tài khoản giao dịch trong ngày. Tài khoản giao dịch trong ngày là tài khoản riêng biệt hoặc được quản lý riêng biệt hoặc được hạch toán dưới hình thức tiểu khoản của tài khoản giao dịch chứng khoán hiện có của nhà đầu tư. Công ty chứng khoán phải hạch toán tách biệt tài khoản giao dịch trong ngày với tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường và tài khoản giao dịch ký quỹ (nếu có) của từng nhà đầu tư;

b) Nhà đầu tư thực hiện các giao dịch trong ngày phải tuân thủ quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư này, không được thực hiện các giao dịch trong ngày đối với giao dịch chứng khoán lộ lẽ và giao dịch thỏa thuận;

c) Công ty chứng khoán có quyền lựa chọn mã chứng khoán có trong danh sách chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch được phép giao dịch ký

quỹ tại công ty chứng khoán để thực hiện giao dịch trong ngày cho nhà đầu tư. Danh sách các chứng khoán được giao dịch trong ngày phải được công ty chứng khoán công khai trên trang thông tin điện tử của công ty chứng khoán:

d) Nhà đầu tư có trách nhiệm đặt các lệnh giao dịch, bảo đảm tổng số chứng khoán trên các lệnh bán phải bằng với tổng số chứng khoán cùng mã trên các lệnh mua trong cùng ngày giao dịch và ngược lại. Trường hợp tổng số chứng khoán của các lệnh bán đã thực hiện nhiều hơn tổng số chứng khoán của các lệnh mua đã thực hiện hoặc ngược lại thì công ty chứng khoán có trách nhiệm thanh toán thay cho nhà đầu tư số tiền hoặc chứng khoán thiếu hụt tại ngày thanh toán:

d) Công ty chứng khoán phải từ chối thực hiện lệnh giao dịch trong ngày của nhà đầu tư khi không thể bảo đảm có đủ tiền để thanh toán và chứng khoán để chuyển giao tại ngày thanh toán:

c) Nhà đầu tư có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, thanh toán cho công ty chứng khoán mọi chi phí phát sinh liên quan tới hoạt động mua bắt buộc, vay chứng khoán, vay tiền để hỗ trợ thanh toán trong trường hợp không có đủ tiền để thanh toán, không có đủ chứng khoán để chuyển giao tại ngày thanh toán theo quy định tại hợp đồng giao dịch trong ngày đã ký với công ty chứng khoán và pháp luật liên quan:

g) Công ty chứng khoán có quyền yêu cầu nhà đầu tư ký quỹ tiền hoặc chứng khoán trước khi cho phép nhà đầu tư thực hiện giao dịch trong ngày;

h) Trong một ngày giao dịch, tổng giá trị giao dịch trong ngày (xác định trên tổng giá trị mua và giá trị bán đã thực hiện) tại mỗi công ty chứng khoán không được vượt quá một tỷ lệ theo quy định so với vốn chủ sở hữu của công ty. Khối lượng chứng khoán được giao dịch trong ngày tại mỗi công ty chứng khoán không được vượt quá một tỷ lệ theo quy định so với khối lượng chứng khoán đang lưu hành. Các tỷ lệ này thực hiện theo quy chế của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Hoạt động giao dịch trong ngày không được thực hiện trong khoảng thời gian năm (05) ngày làm việc, trước ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cho cổ đông gắn với mã chứng khoán được giao dịch trong ngày.

4. Trong trường hợp cần thiết để ổn định thị trường, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền yêu cầu tạm ngừng các hoạt động giao dịch trong ngày.

5. Công ty chứng khoán không đáp ứng điều kiện được cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán phải ngừng ngay việc ký mới, gia hạn hợp đồng giao dịch trong ngày, ngừng cho phép nhà đầu tư thực hiện các giao dịch trong ngày và báo cáo bằng văn bản cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong vòng 48 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện trên.

6. Tùy vào tình hình thị trường, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước triển khai hoạt động giao dịch trong ngày. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch trong ngày.

Điều 11. Giao dịch bán không có bảo đảm

1. Hợp đồng giao dịch vay chứng khoán trên hệ thống vay và cho vay chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để thực hiện giao dịch bán không có bảo đảm tối thiểu phải bao gồm nội dung về tài sản bảo đảm, lãi suất vay, thời hạn vay, giá hạn vay, xử lý tài sản bảo đảm khi nhà đầu tư không hoàn trả chứng khoán, phương thức giải quyết khi có tranh chấp phát sinh, nêu rõ các rủi ro, thiệt hại có thể phát sinh và chi phí.

2. Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch bán không có bảo đảm tại công ty chứng khoán được cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán, nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch để thực hiện giao dịch bán không có bảo đảm. Tài khoản giao dịch bán không có bảo đảm là tài khoản riêng biệt hoặc được hạch toán dưới hình thức tiểu khoản của tài khoản giao dịch chứng khoán hiện có của nhà đầu tư. Công ty chứng khoán phải hạch toán tách biệt tài khoản bán không có bảo đảm với tài khoản giao dịch ký quỹ, tài khoản giao dịch trong ngày và tài khoản chứng khoán thông thường của từng nhà đầu tư.

3. Các chứng khoán được phép giao dịch bán không có bảo đảm là cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán và đáp ứng các tiêu chí về thời gian niêm yết, đăng ký giao dịch; về quy mô vốn và kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành; về tình thanh khoản và biến động giá (nếu có); minh bạch thông tin và các tiêu chí khác theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Sở giao dịch chứng khoán công bố danh sách chứng khoán được giao dịch bán không có bảo đảm hoặc chứng khoán không được giao dịch bán không có bảo đảm trên cơ sở tiêu chí do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định.

4. Hoạt động bán không có bảo đảm không được thực hiện trong khoảng thời gian năm (05) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cho cổ đông gắn với mã chứng khoán được giao dịch bán không có bảo đảm.

5. Tùy vào tình hình thị trường, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước triển khai hoạt động bán không có bảo đảm. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch bán không có bảo đảm.

6. Trong trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn cho hoạt động của thị trường chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể yêu cầu các công ty chứng khoán tạm ngừng thực hiện hoạt động giao dịch bán không có bảo đảm.

Điều 12. Giao dịch tạo lập thị trường

1. Hoạt động giao dịch tạo lập thị trường phải tuân thủ nguyên tắc sau:

a) Thành viên giao dịch tham gia tạo lập thị trường phải trung thực và thiện chí khi thực hiện chức năng tạo lập thị trường vì mục tiêu bảo đảm thị trường hoạt động hiệu quả, ổn định;

b) Tùy vào điều kiện thị trường, thành viên giao dịch tham gia tạo lập thị trường được yết giá hai chiều hoặc yết giá một chiều đối với mã chứng khoán đã đăng ký tạo lập thị trường theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và hợp đồng tạo lập thị trường. Mã chứng khoán cần tạo thanh khoản, thời hạn tạo lập thị trường, phương thức yết giá, giới hạn chênh lệch giá giữa giá chào mua và giá chào bán, tỷ lệ báo giá, thời gian duy trì báo giá, các trường hợp được tạm ngừng giao dịch thực hiện theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và hợp đồng tạo lập thị trường (nếu có);

c) Thành viên giao dịch tham gia tạo lập thị trường chỉ được đặt lệnh giới hạn cho các giao dịch tạo lập thị trường. Thành viên giao dịch tham gia tạo lập thị trường được đồng thời thực hiện giao dịch tạo lập thị trường và tự doanh nhưng phải bảo đảm nguyên tắc về giá theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

2. Thành viên giao dịch tham gia tạo lập thị trường được yết giá để đồng thời mua, bán mã chứng khoán mà thành viên đó được chỉ định là nhà tạo lập thị trường trong cùng đợt khớp lệnh. Các giao dịch này phải được thực hiện trên tài khoản tạo lập thị trường.

3. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế hướng dẫn hoạt động tạo lập thị trường sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam có quyền chấm dứt hoặc đình chỉ hoạt động tạo lập thị trường của thành viên giao dịch đối với một hoặc một số chứng khoán trong trường hợp thành viên giao dịch không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trách nhiệm và quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và vi phạm các điều khoản của hợp đồng tạo lập thị trường (nếu có).

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021 và thay thế Thông tư số 203/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty chứng khoán, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Lưu: VT, UBCK (150b). 4

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Huỳnh Quang Hải